

Bản án số: 14/2023/DS-PT
Ngày 17- 01- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Huỳnh Thanh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh;
Ông Lâm Thuận Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mua bán tài sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 235/2022/QĐXX-PT ngày 29 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 362/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1976; nơi cư trú: khóm Châu Th, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973, có mặt;

Bà Châu Thị Thùy D, sinh năm 1973, vắng mặt;

Cùng cư trú: tổ 10, ấp Bình Th, xã Phú B, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh T: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959, nơi cư trú: ấp Phú Q, xã Phú A, huyện P, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền được công chứng số 212/2021 – Quyền số 01 TP/CC-SCC-UQ ngày 22/11/2021), vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 283, tổ 13, khóm Châu Long 8, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:*

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ 10, ấp Bình Thành, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bà Châu Thị Thùy D, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ 10, ấp Bình Thành, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:

Do có quen biết qua việc mua bán cá nàng hai và ông Nguyễn Thanh T giúp đỡ về kỹ thuật nuôi cá, nên bà tin tưởng cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, Châu Thị Thùy D vay tiền không tính tiền lãi, không làm biên nhận nợ và mua bán cá, cụ thể như sau:

- Ông T vay tiền 03 lần tổng cộng: 300.000.000đ để trả nợ không làm biên nhận, vì mỗi lần mượn đều hẹn từ 10-15 ngày sẽ trả:

+ Lần 1: ngày 08/11/2018 vay 150.000.000đ;

+ Lần 2: ngày 13/11/2018 vay 100.000.000đ;

+ Lần 3: ngày 20/11/2018 vay 50.000.000đ.

Đến hạn ông T không trả tiền như lời hứa, nên nhiều lần bà có điện thoại và trực tiếp gặp ông T để đòi lại số tiền trên, nhưng ông T hứa hẹn rồi không trả. Tháng 4/2021 ông T trả được 35.000.000đ, trong đó ông T trực tiếp trả cho bà 20.000.000đ; ông T trả cho chị Trần Thị Bích H 15.000.000đ, vì bà thiếu chị H 15.000.000đ, nên kêu ông T trả cho chị H để bà và chị H trừ nợ với nhau, ông T và chị H đồng ý ông T sẽ trả cho chị H. Còn lại 265.000.000đ nhiều lần bà điện thoại đòi tiền ông T vẫn hứa hẹn nhưng không trả, bà có ghi âm lại.

- Phần bà D vay 06 lần cũng để trả nợ đều hẹn vài ngày sẽ trả và mua cá nàng hai, tổng cộng 64.925.000đ, tiền vay và tiền mua cá không làm biên nhận:

+ Lần 1: ngày 14/12/2019 vay 20.000.000đ;;

+ Lần 2: ngày 21/12/2019 vay 10.000.000đ;

+ Lần 3: ngày 06/01/2020 vay 20.000.000đ;

+ Lần 4: tháng 01/2020 (không nhớ ngày) vay 2.000.000đ;

+ Lần 5: tháng 01/2020 (không nhớ ngày) vay 2.000.000đ;

+ Lần 6: tháng 01/2020 (không nhớ ngày) vay 100 USD quy ra 2.300.000đ.

Từ lần thứ 4 đến lần thứ 5, không nhớ ngày nào, nhưng cách vài ngày bà D vay một lần.

Ngày 20/01/2020, bà D mua cá nạng hai 150kg x 57.500đ/kg = 8.625.000đ hện vay tiền ngân hàng sẽ trả.

Bà D cũng không trả theo lời hứa, nên ngày 31/01/2020 bà L điện thoại đòi tiền, bà D hứa vay tiền ngân hàng sẽ trả đủ, rồi không trả, lần này bà ghi âm giọng nói bà D. Sau đó nhiều lần bà L điện thoại ghi âm đòi tiền thì bà D nói ông T trả nợ.

Chúng cứ đòi tiền bị đơn là file ghi âm tiếng nói của bị đơn chép qua USB lưu trữ 05 file ghi âm tiếng nói của vợ chồng ông T, bà D thừa nhận thiếu bà số tiền trên.

Bà L yêu cầu vợ chồng ông T, bà D trả tiền vay và tiền mua cá tổng cộng 329.925.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi.

Đến ngày 13/7/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện 75.000đ tiền chênh lệch giá bán cá nạng hai (giá bán 57.500đ/kg x 150kg = 8.625.000đ, khi đòi tiền bà L tính giá 57.000đ/kg x 150kg = 8.550.000đ).

Bà L yêu cầu vợ chồng ông T, bà D trả số tiền 329. 850.000đ, trong đó tiền vay 321.300.000đ, tiền bán cá 8.550.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi.

* Ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày, khoảng tháng 6/2017 ông T và bà L có quen biết qua việc mua bán cá nạng hai, ông T có vay tiền của bà L nhưng không nhớ bao nhiêu, đến năm 2018 đã trả hết không còn nợ. Các file ghi âm giọng nói của bà L cung cấp không xác định được có phải của ông T hay không, nếu có chúng cứ xác định ông T, bà D còn nợ tiền thì tùy Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Châu Thị Thùy D trình bày:

Tháng 6/2017 vợ chồng ông T, bà D có làm ăn mua bán cá nạng hai và vay tiền của bà Nguyễn Thị Xuân L, đến năm 2018 kết thúc không còn làm ăn nữa. Ông T và bà D có vay tiền của bà L, không tính tiền lãi và không làm biên nhận, số tiền bà D vay bao nhiêu không nhớ, sau khi vay ông T đã trả cho bà L đầy đủ. Đối với tiền mua bán cá nạng hai bà D có mua của bà L nhưng không nhớ thiếu bao nhiêu tiền và ông T cũng đã trả đủ cho bà L không còn nợ, các file ghi âm bên bà L cung cấp chưa xác định có phải giọng nói của bà hay không, bà không đồng ý với yêu cầu trên của bà L.

* Tại Bản tự khai ngày 23/12/2021 chị Trần Thị Bích H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: do có mối quan hệ quen biết, nên năm 2020 (không nhớ ngày tháng) chị cho bà L mượn tiền nhiều lần là 15.000.000đ bà L không có tiền trả, đến khoảng tháng 6 năm 2021 chị và bà L, ông T gặp nhau để giải quyết số tiền 15.000.000đ, theo đó ông T có trách nhiệm trả cho chị 15.000.000đ, giữa bà L và ông T cân trừ nợ với nhau như thế nào thì chị không biết. Sau đó trong tháng 6/2021 ông T trả được 5.000.000đ, còn lại 10.000.000đ đến nay chưa trả, chị không yêu cầu ông T trả nợ, mà để ông T tự trả. Ngoài ra, chị H không có yêu cầu gì khác và chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Kết luận giám định số 29/KLGT-PC09(KTĐT) ngày 28/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang trích xuất dữ liệu file ghi âm trong USB dịch thành văn bản, chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo.

Tại Kết luận giám định số 2192/KL-KTHS ngày 14/6/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Tiếng nói của người nam trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định (“1. file 27.01.2020 4p14s Tùng. mp3”; “2. file 15.09.2020 2p13s T... mp3”; “3. file 20.09.2020 3p17s T... mp3”) và tiếng nói của ông Nguyễn Thanh T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

- Tiếng nói của người nữ được gọi là “chị” trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định (“4. file 31.01.2020 1p42s D... mp3”; “5. file 12.09.2020 47s D... mp3”) và tiếng nói của bà Châu Thị Thùy D trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra

Tại Bản án số 206/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân L. Buộc anh Nguyễn Thanh T, chị Châu Thị Thùy D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Xuân L số tiền 329.850.000đ (ba trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó tiền vay 321.300.000đ, tiền mua bán cá 8.550.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân L về số tiền 75.000đ.

3. Chi phí tố tụng: anh T, chị D phải hoàn trả cho chị L 14.090.000đ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Thanh T, chị Châu Thị Thùy D phải chịu 16.492.000 đồng.

+ Hoàn trả 8.200.000đ tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Xuân L theo biên lai thu tiền số 0004069 ngày 26/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Châu Thị Thùy D kháng cáo không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông T bà D trả số tiền 329.850.000 đồng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xem xét lại phần án phí, chi phí giám định theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Châu Thị Thùy D và đại diện theo ủy quyền của ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị Thùy D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T bà Châu Thị Thùy D kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Châu Thị Thùy D là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà D.

Chị Trần Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T vắng mặt lần thứ hai, ông T xác định không tiếp tục ủy quyền cho ông Đ và trực tiếp tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Tùng căn cứ vào 05 file ghi âm có giọng nói của ông T, bà D để xác định ông T vay và còn nợ của Linh 300.000.000 đồng, bà D vay và nợ Linh 56.300.000 đồng, nợ mua cá 8.625.000 đồng (sau đó thống nhất là 8.550.000 đ). Tổng cộng tiền vay và mua bán cá ông T, bà D nợ là 354.850.000 đồng, khấu trừ 35.000.000 đồng ông T đã trả (thông qua chị H 15.000.000 đồng và trả trực tiếp cho bà L 20.000.000 đồng), còn lại 329.850.000 đồng, bà L yêu cầu ông T, bà D có trách nhiệm trả số tiền trên và không yêu cầu tính lãi.

Lúc đầu ông T không nhận có vay tiền của bà L nhưng sau đó thừa nhận bà D có vay tiền của bà L và nợ mua bán cá nhưng đã trả xong.

Lời khai của ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền của ông T xác định ông T có vay tiền của bà L nhưng không rõ bao nhiêu và đến năm 2018 đã trả hết không còn nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không thừa nhận nợ như trình bày của bà L và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ngoài ra, ông T trình bày ý kiến: Không đồng ý với kết quả giám định và có yêu cầu giám định lại với lý do không được giải thích về thủ tục, cơ quan thu mẫu, cơ quan thực hiện giám định, hậu quả của việc giám định.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T và bà D có vay tiền của bà L và bà D có mua cá của bà L là có căn cứ, phù hợp với lời khai của nguyên đơn bà L, bị đơn (ông T, bà D), người đại diện theo ủy quyền của ông T (ông Đ).

Mặc dù ông T, bà D không thừa nhận giọng nói và nội dung trong các file ghi âm do bà L cung cấp. Tuy nhiên, các file ghi âm đã được giám định theo các Kết luận giám định số 29/KLGT-PC09(KTĐT) ngày 28/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang trích xuất dữ liệu file ghi âm trong USB dịch thành văn bản; Kết luận giám định số 2192/KL-KTHS ngày 14/6/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định giọng nói trong các file âm thanh do bà L cung cấp là của ông T, bà D. Trong đó thể hiện nội dung của ông T, bà D nợ tiền của bà L và hứa hẹn trả nợ phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền ông T và bà D vay và nợ mua cá của bà L sau khi khấu trừ số tiền đã trả còn lại 329.850.000 đồng, đồng thời buộc ông T bà D liên đới trả nợ cho bà L là có căn cứ.

Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã trả dứt nợ cho bà L từ năm 2018 nên không có căn cứ chấp nhận.

Ông T có yêu cầu giám định lại nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh Kết luận giám định không chính xác hoặc có vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không được chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông T, bà D được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà D chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị Thùy D.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 206/2022/DSST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân L.

Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Châu Thị Thùy D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Xuân L số tiền 329.850.000 đồng (ba trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền vay là 321.300.000 đồng, tiền mua bán cá 8.550.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân L về số tiền 75.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T, bà Châu Thị Thùy D phải chịu chi phí giám định. Buộc ông T, bà D hoàn trả cho bà L 14.090.000 đồng chi phí giám định.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T, bà Châu Thị Thùy D phải chịu 16.492.000 đồng.

Hoàn trả 8.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Xuân L theo biên lai thu tiền số 0004069 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T và bà D mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số 0005569 và 0005570 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông T, bà D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tâm